

**Deloitte.**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ  
VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA  
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 48

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ XÂY LẬP ĐẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Ngọc Thăng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Minh	Ủy viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Anh Minh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Bùi Hiền Thành**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
(Giấy ủy quyền số 807/UQ-XLKD  
ngày 15 tháng 3 năm 2017)

Ngày 31 tháng 8 năm 2017

Số: 229 /VN1A-HN-BC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 8 năm 2017, từ trang 6 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ***

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty có khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ với giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 203,8 tỷ VND và khoảng 159 tỷ VND. Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào PVC-Land dựa trên phần vốn góp thực tế của Tổng Công ty và báo cáo tài chính chưa được soát xét của PVC-Land cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập trên giả định hoạt động liên tục. Theo báo cáo tài chính chưa được soát xét của PVC-Land cung cấp, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nợ phải trả ngắn hạn của PVC Land vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 337,6 tỷ VND và lỗ lũy kế khoảng 197 tỷ VND ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của PVC-Land. Giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư vào PVC-Land từ vấn đề nêu trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

### *Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)*

2. Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty có một số khoản góp vốn vào các đơn vị đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 64,6 tỷ VND và khoảng 15,8 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 25 và Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại 01 tổ chức tín dụng có sự thay đổi trên cơ sở Tổng Công ty đánh giá PVC-SG đã có phương án trả nợ và tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay tại tổ chức tín dụng, cũng như Tổng Công ty xác định rằng tổ chức tín dụng này đã gia hạn thời gian trả nợ cho khoản vay của PVC-SG. Do đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi nhận giảm khoản mục "Chi phí tài chính" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với PVC-SG và tổ chức tín dụng để giải tòa nghĩa vụ bảo lãnh. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá cơ sở cho việc hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

### *Kết luận ngoại trừ*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Các vấn đề cần nhấn mạnh*

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là khoảng 2.884,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 2.887,5 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 544,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 560,7 tỷ VND) và các vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty có một số khoản cho vay và bảo lãnh vay cho một số công ty khác với số tiền lần lượt khoảng 564,7 tỷ VND và khoảng 237,9 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh, cho vay và các tổ chức tín dụng để thu hồi các khoản cho vay, giải tòa thư bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

3. Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc và bổ sung các thủ tục theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được phê duyệt chuyển nhượng Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang, cũng như được phê duyệt các giá trị phát sinh chưa lường hết của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Ethanoi nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc. Dự án này đã tạm dừng thi công từ năm 2011 và đang được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét phương án xử lý. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định chính thức về phương án xử lý dự án này. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
5. Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị và Thông báo số 3130/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đánh giá ảnh hưởng của các kết luận nêu trên của Thanh tra Chính phủ đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các kết luận này của Thanh tra Chính phủ.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

### Vấn đề khác

Trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được chúng tôi kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần cùng một số vấn đề cần nhấn mạnh, khoản dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG vay vốn tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn đã được Tổng Công ty hoàn nhập toàn bộ với số tiền khoảng 50 tỷ VND (trong tổng số tiền thuận 126 tỷ VND dự phòng nghĩa vụ bảo lãnh được Tổng Công ty hoàn nhập) và vấn đề hoàn nhập này đã được chúng tôi đề cập trong đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" trên Báo cáo kiểm toán số 976/VN1A-HN-BC ngày 30 tháng 3 năm 2015.



**Đặng Chí Dũng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2013-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 31 tháng 8 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.470.717.562.043</b>	<b>4.988.416.548.084</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>372.607.778.769</b>	<b>614.570.679.581</b>
1. Tiền	111		264.634.327.761	491.597.228.573
2. Các khoản tương đương tiền	112		107.973.451.008	122.973.451.008
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>92.486.600.460</b>	<b>88.103.069.636</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		150.668.065.000	152.668.065.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(118.186.653.000)	(123.481.055.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		60.005.188.460	58.916.059.636
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.756.316.213.920</b>	<b>1.788.947.307.277</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	685.894.845.883	625.353.122.976
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.032.029.734.876	1.123.578.226.517
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	575.741.688.393	575.741.688.393
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	381.120.131.048	434.275.248.935
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(920.913.355.700)	(970.000.979.544)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.443.169.420	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>3.082.294.844.853</b>	<b>2.410.350.265.622</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.082.294.844.853	2.410.350.265.622
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>167.012.124.041</b>	<b>86.445.225.968</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	314.823.372	643.471.158
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		145.420.705.961	64.520.427.275
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	23	21.276.594.708	21.281.327.535

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.879.474.574.865</b>	<b>1.897.756.852.353</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>63.696.499.466</b>	<b>55.393.916.889</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	63.696.499.466	55.393.916.889
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.925.798.881</b>	<b>39.849.356.335</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	25.517.464.277	29.164.624.345
- Nguyên giá	222		84.437.409.632	84.437.409.632
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.919.945.355)	(55.272.785.287)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	10.408.334.604	10.684.731.990
- Nguyên giá	225		18.676.108.182	18.676.108.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.267.773.578)	(7.991.376.192)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
- Nguyên giá	228		4.652.380.340	4.652.380.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.652.380.340)	(4.652.380.340)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>16</b>	<b>205.574.544.042</b>	<b>160.747.455.076</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		25.597.663.020	26.197.663.020
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		179.976.881.022	134.549.792.056
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.526.422.273.528</b>	<b>1.586.870.101.056</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	17	1.986.206.514.396	1.986.206.514.396
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	754.799.467.055	784.806.467.055
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	257.059.968.199	257.059.968.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	20	(1.471.643.676.122)	(1.441.202.848.594)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>47.855.458.948</b>	<b>54.896.022.997</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	47.855.458.948	54.896.022.997
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>7.350.192.136.908</b>	<b>6.886.173.400.437</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.157.547.819.916</b>	<b>5.696.221.929.332</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.014.835.405.943</b>	<b>5.549.140.584.131</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	3.693.507.690.152	3.168.426.705.211
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	536.051.580.164	659.743.063.113
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	19.535.839.969	1.992.677.782
4. Phải trả người lao động	314		24.750.968.373	52.021.025.504
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	412.569.989.641	318.392.344.388
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		5.176.102.737	4.831.090.877
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	25	331.633.762.297	331.250.462.331
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26	998.890.683.683	1.019.764.425.998
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>142.712.413.973</b>	<b>147.081.345.201</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	24	72.145.399.156	72.178.785.046
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		66.684.121.593	68.933.617.780
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27	969.259.164	2.472.581.503
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.913.634.060	3.496.360.872
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.192.644.316.992</b>	<b>1.189.951.471.105</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>28</b>	<b>1.192.644.316.992</b>	<b>1.189.951.471.105</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(29.710.000)	(29.710.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.986.992.734	76.986.992.734
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
5. (Lỗ) lũy kế	421		(2.884.812.965.742)	(2.887.505.811.629)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.887.505.811.629)	(3.026.265.140.599)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.692.845.887	138.759.328.970
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>7.350.192.136.908</b>	<b>6.886.173.400.437</b>

*Vũ Thị Châm*

**Vũ Thị Châm**  
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 8 năm 2017

*Lưu Đức Hoàng*

**Lưu Đức Hoàng**  
Kế toán trưởng



*Bùi Tiến Thành*  
**Bùi Tiến Thành**  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	575.064.367.642	3.532.509.671.723
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		575.064.367.642	3.532.509.671.723
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	559.341.588.178	3.441.406.971.599
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.722.779.464	91.102.700.124
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	8.766.045.851	27.178.274.828
7. Chi phí tài chính	22	33	41.577.761.691	46.111.274.478
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.607.733.902	3.535.213.022
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	(11.757.791.114)	(103.062.837.203)
9. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		(5.331.145.262)	175.232.537.677
10. Thu nhập khác	31		8.463.175.720	4.140.367.354
11. Chi phí khác	32		1.021.911.383	1.905.848.566
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.441.264.337	2.234.518.788
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.110.119.075	177.467.056.465
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	-	-
15. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	(582.726.812)	(1.281.998.985)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.692.845.887	178.749.055.450

  
Vũ Thị Châm  
Người lập biểu

  
Lưu Đức Hoàng  
Kế toán trưởng

  
Bùi Tiến Thành  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>2.110.119.075</b>	<b>177.467.056.465</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.923.557.454	5.231.563.075
Các khoản dự phòng	03	(23.941.198.316)	(173.788.395.076)
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	11.113.780.748	(3.125.172.631)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(7.114.789.278)	(14.703.207.270)
Chi phí lãi vay	06	2.607.733.902	3.535.213.022
<b>3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(11.300.796.415)</b>	<b>(5.382.942.415)</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(80.828.503.935)	31.472.009.073
Thay đổi hàng tồn kho	10	(671.344.579.231)	525.948.043.641
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả)	11	475.396.359.507	(598.701.774.389)
Thay đổi chi phí trả trước	12	7.369.211.835	8.851.274.698
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	2.000.000.000	49.200.000.000
Tiền lãi vay đã trả	14	(668.574.629)	(1.644.368.505)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	937.704.922	3.451.089.376
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.300.608.264)	(6.521.053.619)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(282.739.786.210)</b>	<b>6.672.277.860</b>



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.290.348.000)	(4.121.087.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	4.493.526.188	18.806.982
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	31.979.166.000	1.081.083.000
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.001.596.457	14.115.767.422
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>63.183.940.645</b>	<b>11.094.570.404</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	27.243.874.008
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(20.873.742.315)	(21.990.493.515)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.503.322.339)	(1.578.350.850)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(22.377.064.654)</b>	<b>3.675.029.643</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(241.932.910.219)</b>	<b>21.441.877.907</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	614.570.679.581	525.542.570.371
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(20.990.593)	22.385.636
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>372.607.778.769</b>	<b>547.006.833.914</b>

  
**Vũ Thị Châm**  
 Người lập biểu

  
**Lưu Đức Hoàng**  
 Kế toán trưởng

  
**Bùi Tiến Thành**  
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 8 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 9 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 481 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 527 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2,
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch,
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam,
- Ban điều hành dự án nhà máy sơ xối tổng hợp Polyester,
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc,

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty có 09 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 11 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 18.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

## **CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 2.884,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 2.887,5 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 544,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 560,7 tỷ VND). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lộ hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình, Nhiệt điện Vũng Áng, cũng như sẽ nhận được nguồn thu từ các dự án này, để đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

## **2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

#### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

#### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Kỳ này</u> (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

#### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Kỳ này</u> (Số năm)
Phương tiện vận tải	6 - 10

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính là phần mềm phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

310  
C  
ACH  
DE  
VI  
/

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

25  
G  
M  
N  
T

### **Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả iổ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt	1.202.524.694	1.088.501.990
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	263.431.803.067	490.508.726.583
Các khoản tương đương tiền (ii)	107.973.451.008	122.973.451.008
	<b>372.607.778.769</b>	<b>614.570.679.581</b>

(i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm số tiền khoảng 25,5 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 24,2 tỷ VND) gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương ("OceanBank") đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng bao gồm số dư 57,8 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 57,8 tỷ VND) tại OceanBank đang dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản OceanBank và chuyển đổi mô hình hoạt động OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>150.668.065.000</b>	<b>118.186.653.000</b>	<b>152.668.065.000</b>	<b>123.481.055.000</b>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico</i>	<i>136.068.065.000</i>	<i>104.301.653.000</i>	<i>136.068.065.000</i>	<i>109.596.055.000</i>
<i>Công ty Cổ Phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)</i>	<i>14.600.000.000</i>	<i>13.885.000.000</i>	<i>14.600.000.000</i>	<i>13.885.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương (PVC-TBD)</i>	-	-	<i>2.000.000.000</i>	-
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	60.005.188.460	-	58.916.059.636	-

(i) Thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 4 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo, lãi suất 5,5%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổ hợp nhà thầu JGCS	138.105.362.503	79.155.008.218
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	93.820.930.864	93.820.679.496
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	85.237.298.921	86.719.910.935
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	80.620.919.706	27.233.107.690
Ban Quản lý các dự án đường thủy	-	49.602.076.008
Các đối tượng khác	288.110.333.889	288.822.340.629
	<b>685.894.845.883</b>	<b>625.353.122.976</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)</b>	<b>418.702.848.169</b>	<b>378.022.350.728</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	113.386.879.741	138.560.634.501
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	108.941.703.158
Các đối tượng khác	809.777.936.359	876.075.888.858
	<b>1.032.029.734.876</b>	<b>1.123.578.226.517</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)</b>	<b>514.090.543.439</b>	<b>593.170.210.455</b>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	179.912.859.769	167.153.319.304	179.912.859.769	167.153.319.304
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO (i)	101.620.000.000	-	101.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (i)	60.587.520.000	-	60.587.520.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	22.623.638.889	10.474.032.816	22.623.638.889	10.474.032.816
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735
	<b>575.741.688.393</b>	<b>312.981.171.858</b>	<b>575.741.688.393</b>	<b>312.981.171.858</b>

(i) Số dư phải thu các công ty về cho vay ngắn hạn thể hiện: a) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần và b) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 31 tháng 12 năm 2011 để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (Khách sạn Lam Kinh) vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh. Theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tổng Công ty đã đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để thanh toán các khoản vay của Oceanbank nêu trên, nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.



**9. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>381.120.131.048</b>	<b>434.275.248.935</b>
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	82.033.472.548	105.463.968.095
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	47.963.935.736	70.044.067.535
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (i)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	42.328.848.975	42.328.848.975
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	21.880.782.955	24.579.464.014
- Phải thu ngắn hạn khác	140.679.312.678	145.625.122.160
<b>b) Dài hạn</b>	<b>63.696.499.466</b>	<b>55.393.916.889</b>
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	63.696.499.466	55.393.916.889
	<b><u>444.816.630.514</u></b>	<b><u>489.669.165.824</u></b>

- (i) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ đến hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.
- (ii) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 38).

**10. NỢ XẤU**

Thông tin về một số khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	179.912.859.769	12.759.540.465	179.912.859.769	12.759.540.465
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	143.231.025.952	359.638.777	140.897.486.584	703.859.970
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	69.551.549.587	139.231.409	69.605.577.963	2.124.802.914
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	61.710.508.005	-	63.943.147.786	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	49.557.600.580	12.909.717.788	33.038.323.852	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICD	43.977.863.728	6.714.619.313	66.697.689.389	-
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	37.206.687.346	-	37.506.687.346	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	30.394.484.099	-	30.495.439.099	100.965.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	27.426.673.819	-	27.426.673.819	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	-	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	18.265.262.039	332.296.404	18.265.262.039	663.532.019
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	15.604.792.955	3.242.335.500	15.704.792.955	3.242.335.500
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	6.915.459.814	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	3.642.458.278	-	3.642.458.278	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí	3.719.897.842	-	3.719.897.842	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	-	23.430.495.547	1.200.720.338



**11. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu kỳ</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	1.967.588.224	-	1.783.962.582	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	3.080.327.256.629	-	2.408.566.303.040	-
	<b>3.082.294.844.853</b>	<b>-</b>	<b>2.410.350.265.622</b>	<b>-</b>

- (i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi phí sản xuất dở dang chi tiết theo các công trình như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	2.766.350.126.872	2.098.457.348.542
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	249.677.610.271	249.677.610.271
Các công trình khác	64.299.519.486	60.431.344.227
	<b>3.080.327.256.629</b>	<b>2.408.566.303.040</b>

- (\*) Như trình bày tại Thuyết minh số 39, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	314.823.372	643.471.158
	<b>314.823.372</b>	<b>643.471.158</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	46.865.580.366	53.466.431.043
Chi phí dài hạn khác	989.878.582	1.429.591.954
	<b>47.855.458.948</b>	<b>54.896.022.997</b>

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	32.194.358.803	6.735.787.981	30.998.696.703	14.508.566.145	84.437.409.632
Số dư cuối kỳ	32.194.358.803	6.735.787.981	30.998.696.703	14.508.566.145	84.437.409.632
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	13.329.159.097	3.867.326.096	23.968.081.744	14.108.218.350	55.272.785.287
Trích khấu hao trong kỳ	1.309.571.010	726.008.916	1.534.942.022	76.638.120	3.647.160.068
Phân loại lại	(10.734.318)	281.328.055	970.465	(271.564.202)	-
Số dư cuối kỳ	14.627.995.789	4.874.663.067	25.503.994.231	13.913.292.268	58.919.945.355
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu kỳ	18.865.199.706	2.868.461.885	7.030.614.959	400.347.795	29.164.624.345
Số dư cuối kỳ	17.566.363.014	1.861.124.914	5.494.702.472	595.273.877	25.517.464.277

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 31.677.700.309 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 30.019.313.119 VND).

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu kỳ	18.676.108.182
Số dư cuối kỳ	18.676.108.182
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu kỳ	7.991.376.192
Trích khấu hao trong kỳ	276.397.386
Số dư cuối kỳ	8.267.773.578
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Số dư đầu kỳ	10.684.731.990
Số dư cuối kỳ	10.408.334.604

**15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu kỳ	<b>4.652.380.340</b>
Số dư cuối kỳ	<b>4.652.380.340</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu kỳ	<b>4.652.380.340</b>
Số dư cuối kỳ	<b>4.652.380.340</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	-

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 4.652.380.340 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.652.380.340 VND).

**16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc VND</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi VND</u>	<u>Giá gốc VND</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi VND</u>
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1	26.634.279.956	13.317.139.978	26.634.279.956	13.317.139.978
Dự án nhà máy Xơ sợi Polyester	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.880.083.636	1.500.000.000	13.480.083.636	2.100.000.000
Các công trình khác	7.329.825.521	1.618.216.162	11.436.734.433	1.618.216.162
	<b>72.603.514.325</b>	<b>25.597.663.020</b>	<b>77.310.423.237</b>	<b>26.197.663.020</b>

	<u>Số cuối kỳ VND</u>	<u>Số đầu kỳ VND</u>
<b>b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Mua sắm tài sản cố định (i)	44.549.477.038	-
- Xây dựng cơ bản		
Dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)	127.973.080.823	127.973.080.823
Công trình khu đô thị Đại học Dầu khí	3.883.984.985	3.883.984.985
Các công trình khác	3.570.338.176	2.692.726.248
	<b>179.976.881.022</b>	<b>134.549.792.056</b>

- (i) Trong kỳ, Tổng Công ty nhận chuyển nhượng tài sản cố định từ Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) với giá trị lần lượt là khoảng 30,9 tỷ VND và 13,6 tỷ VND. Tổng Công ty đang lên phương án chuyển nhượng các tài sản này cho các đơn vị thành viên hoặc lắp đặt, sửa chữa đưa vào sử dụng.

- (ii) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN. Ngày 15 tháng 01 năm 2016, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 399/VPCP-KTN yêu cầu PVN khẩn trương thực hiện chuyển giao Dự án, giải quyết dứt điểm nghĩa vụ tài chính liên quan đến Tổng Công ty trước khi chuyển giao Dự án cho UBND tỉnh Tiền Giang. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Theo Biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2017 của tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, PVN và Tổng Công ty, các bên thống nhất giá trị Dự án trong giai đoạn do Tổng Công ty thực hiện là khoảng 143 tỷ VND. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các sự kiện trên.

### 17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối kỳ VND	Giá trị vốn góp đầu kỳ VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (I)	Thành phố Hồ Chí Minh	367,502,605,998	367,502,605,998	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	325,000,000,000	325,000,000,000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	286,227,385,833	286,227,385,833	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	203,793,940,000	203,793,940,000	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
5	Công ty Cổ phần Xây lắp đầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	Quảng Ngãi	200,000,000,000	200,000,000,000	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
6	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (I)	Hà Nội	195,150,582,565	195,150,582,565	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	153,532,000,000	153,532,000,000	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	153,000,000,000	153,000,000,000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Bà Rịa - Vũng Tàu	102,000,000,000	102,000,000,000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
			<b>1,986,206,514,396</b>	<b>1,986,206,514,396</b>			

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-Đông Đô và PVC-Petroland nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 - 2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (sẽ được thành lập trên cơ sở sắp xếp, thu gọn đầu mối tại 04 đơn vị thành viên nòng cốt: Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo Nghị quyết trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2017 - 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện Nghị quyết nêu trên.

**18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối kỳ VND	Giá trị vốn góp đầu kỳ VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Thành phố Hồ Chí Minh	83.271.467.055	83.271.467.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Hải Phòng	77.400.000.000	77.400.000.000	42%	42%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	72.400.000.000	72.400.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	57.000.000.000	57.000.000.000	30%	30%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
8	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	54.395.000.000	54.395.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	19.993.000.000	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
10	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
11	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) (i)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD) (ii)	Hà Nội	-	30.000.000.000	0%	0%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
			<b>754.799.467.055</b>	<b>784.806.467.055</b>			



- (i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35% đồng thời Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.
- (ii) Trong kỳ, Tổng Công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD).

**19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

STT	Tên các công ty nhận góp vốn	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	VND	Tỷ lệ phần sở hữu %
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)	48.700.000.000	15%	48.700.000.000	15%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	3.000.000.000	4%	3.000.000.000	4%
7	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (PVC2)	2.795.000.000	5%	2.795.000.000	5%
8	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (PVC4)	2.500.000.000	10%	2.500.000.000	10%
		<b>257.059.968.199</b>		<b>257.059.968.199</b>	



**20. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Đầu tư vào công ty con	<b>1.986.206.514.396</b>	<b>624.580.356.410</b>	<b>1.986.206.514.396</b>	<b>602.461.241.952</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	367.502.605.998	59.821.318.784	367.502.605.998	46.186.477.927
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	325.000.000.000	107.576.299.310	325.000.000.000	106.705.788.313
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	286.227.385.833	-	286.227.385.833	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) (*)	203.793.940.000	159.088.435.549	203.793.940.000	156.956.765.894
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	200.000.000.000	22.176.832.697	200.000.000.000	25.423.072.183
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	195.150.582.565	54.051.029.126	195.150.582.565	52.420.306.717
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dẫn dụng Dầu khí (PVC-IC)	153.000.000.000	10.159.087.310	153.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	102.000.000.000	58.175.353.634	102.000.000.000	61.236.830.918

(\*) Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) với số tiền khoảng 159 tỷ VND dựa trên thông tin báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được soát xét của PVC-Land được lập trên giả định hoạt động liên tục.

Theo báo cáo tài chính chưa được soát xét của PVC-Land cung cấp, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 337,6 tỷ VND; lỗ lũy kế của PVC-Land là khoảng 197 tỷ VND. Các dấu hiệu trên cho thấy giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không phụ thuộc vào khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của PVC-Land. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư vào PVC-Land từ vấn đề nêu trên. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến sự kiện trên.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>754.799.467.055</b>	<b>683.662.505.008</b>	<b>784.806.467.055</b>	<b>675.461.092.380</b>
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	83.271.467.055	83.271.467.055	83.271.467.055	83.271.467.054
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	77.400.000.000	29.183.981.135	77.400.000.000	27.994.047.969
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	72.400.000.000	72.400.000.000	72.400.000.000	72.400.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	57.000.000.000	43.694.182.762	57.000.000.000	40.125.206.343
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nahê An (PVNC)	54.395.000.000	46.627.030.187	54.395.000.000	45.311.407.054
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	-	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	19.993.000.000	19.993.000.000	20.000.000.000	18.026.951.968
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) (**)	3.500.000.000	1.652.843.869	3.500.000.000	1.492.011.992
<b>c) Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>257.059.968.199</b>	<b>163.400.814.704</b>	<b>257.059.968.199</b>	<b>163.280.514.262</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trano (PVIN)	48.700.000.000	1.917.308.168	48.700.000.000	1.797.007.726
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC) (**)	23.500.000.000	11.196.028.936	23.500.000.000	11.196.028.936
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco) (**)	16.764.968.199	-	16.764.968.199	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (**)	12.500.000.000	2.987.477.600	12.500.000.000	2.987.477.600
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn (**)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (PVC2) (**)	2.795.000.000	-	2.795.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (PVC4) (**)	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
	<b>2.998.065.949.650</b>	<b>1.471.643.676.122</b>	<b>3.028.072.949.650</b>	<b>1.441.202.848.594</b>

(\*\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty có các khoản đầu tư vào các công ty: Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc, Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4, với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 64,6 tỷ VND và khoảng 15,8 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty xác định dự phòng đầu tư tài chính dài hạn căn cứ vào báo cáo tài chính gần nhất chưa được kiểm toán của các công ty này mà Tổng Công ty thu thập được. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

**21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Giá trị/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu kỳ VND</b>
Công ty Công nghiệp Daelim	1.814.866.434.726	1.322.246.297.672
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	511.038.932.638	462.201.428.023
Các khoản khác	1.367.602.322.788	1.383.978.979.516
	<b>3.693.507.690.152</b>	<b>3.168.426.705.211</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)</b>	<b>681.622.526.884</b>	<b>763.278.428.514</b>

**22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>Giá trị/số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu kỳ VND</b>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	394.908.357.273	410.874.564.689
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	83.929.164.006	82.778.475.899
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	47.194.989.799	90.762.332.303
Các đối tượng khác	10.019.069.086	75.327.690.222
	<b>536.051.580.164</b>	<b>659.743.063.113</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)</b>	<b>137.489.722.647</b>	<b>191.999.244.226</b>

**23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Phát sinh trong kỳ			
	Số đầu kỳ VND	Số phải thu/ phải nộp VND	Số đã thu/đã nộp/bù trừ VND	Số cuối kỳ VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.030.909	-	1.030.909	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	397.430	-	397.430	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	21.256.556.285
Thuế xuất nhập khẩu	19.254.703	8.689.151.259	8.689.151.259	19.254.703
Các loại thuế khác	4.088.208	-	3.304.488	783.720
	<b>21.281.327.535</b>	<b>8.689.151.259</b>	<b>8.693.884.086</b>	<b>21.276.594.708</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	177.345.997	88.617.186.048	70.468.913.556	18.325.618.489
Thuế thu nhập cá nhân	1.815.331.785	2.327.651.698	2.932.762.003	1.210.221.480
	<b>1.992.677.782</b>	<b>90.944.837.746</b>	<b>73.401.675.559</b>	<b>19.535.839.969</b>

**24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Trích trước chi phí của các công trình xây dựng	412.569.989.641	318.392.344.388
Chi phí phải trả khác	410.135.398.080	314.102.496.644
	2.434.591.561	4.289.847.744
<b>b) Dài hạn</b>		
Trích trước chi phí của các công trình xây dựng	72.145.399.156	72.178.785.046
	72.145.399.156	72.178.785.046
	<b>484.715.388.797</b>	<b>390.571.129.434</b>

**25. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.491	137.942.779.491
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) (ii)	100.673.891.151	95.877.090.099
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.098.464.510	54.098.464.510
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long (iv)	5.533.782.157	5.533.782.157
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	33.384.844.988	37.798.346.074
	<b>331.633.762.297</b>	<b>331.250.462.331</b>

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh chưa bao gồm khoản dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) - Chi nhánh Sài Gòn) đã được Tổng Công ty đánh giá và hoàn nhập trong năm 2016 như trình bày tại Thuyết minh số 38.

- (ii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty được Tổng Công ty thanh toán hộ hoặc cho vay lại theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 27.
- (iii) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) chủ yếu bao gồm số tiền khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền PVN hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.
- (iv) Thể hiện lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long.

**26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	61.573.742.315	61.573.742.315	-	20.873.742.315	40.700.000.000	40.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (i)	40.700.000.000	40.700.000.000	-	-	40.700.000.000	40.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	20.873.742.315	20.873.742.315	-	20.873.742.315	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 27)	955.033.981.983	955.033.981.983	-	-	955.033.981.983	955.033.981.983
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	955.033.981.983	955.033.981.983	-	-	955.033.981.983	955.033.981.983
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 27)	3.156.701.700	3.156.701.700	1.503.322.339	1.503.322.339	3.156.701.700	3.156.701.700
- Công ty cho thuê Tài chính Vietcombank	3.156.701.700	3.156.701.700	1.503.322.339	1.503.322.339	3.156.701.700	3.156.701.700
	<b>1.019.764.425.998</b>	<b>1.019.764.425.998</b>	<b>1.503.322.339</b>	<b>22.377.064.654</b>	<b>998.890.683.683</b>	<b>998.890.683.683</b>

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 17%/năm và 17,5%/năm, các khoản vay này đã quá hạn từ tháng 10 năm 2012 và chịu lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn.

Như trình bày tại Thuyết minh số 8, ngày 06 tháng 4 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) thực hiện khấu trừ 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản nợ đã quá hạn nêu trên của Tổng Công ty (trong đó dư nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.778.156 VND). Tổng Công ty đã khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Do đó, Tổng Công ty chưa ghi giảm số dư vay và lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền hạch toán lẫn lộn là 40.700.000.000 VND và 5.533.778.156 VND. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

**27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	955.033.981.983	955.033.981.983			955.033.981.983	955.033.981.983
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
- Công ty cho thuê Tài chính Vietcombank	5.629.283.203	5.629.283.203	-	1.503.322.339	4.125.960.864	4.125.960.864
	<b>960.663.265.186</b>	<b>960.663.265.186</b>	<b>-</b>	<b>1.503.322.339</b>	<b>959.159.942.847</b>	<b>959.159.942.847</b>
<b>Trong đó:</b>						
Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	958.190.683.683				958.190.683.683	
Số phải trả sau 12 tháng	2.472.581.503				969.259.164	

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, và lãi suất 1% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trong vòng một năm	955.033.981.983	955.033.981.983
	<b>955.033.981.983</b>	<b>955.033.981.983</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	955.033.981.983	955.033.981.983
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	3.156.701.700	3.156.701.700
Trong năm thứ hai	725.906.219	1.903.784.708
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	243.352.945	568.796.795
	<b>4.125.960.864</b>	<b>5.629.283.203</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	3.156.701.700	3.156.701.700
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>969.259.164</b>	<b>2.472.581.503</b>

## 28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	(Lỗ) lũy kế VND	Tổng VND
<i>Cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2016</i>						
Số dư đầu kỳ trước	4.000.000.008.800	(29.710.800)	76.986.992.734	508.000.000	(3.826.265.140.599)	1.051.192.142.135
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	178.749.055.450	178.749.055.450
Số dư cuối kỳ trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	588.000.000	(2.847.516.885.149)	1.229.941.197.585
<i>Cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017</i>						
Số dư đầu kỳ này	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(2.887.505.811.629)	1.189.951.471.105
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.692.845.887	2.692.845.887
Số dư cuối kỳ này	4.000.000.000.000	(29.718.000)	76.986.992.734	580.000.000	(2.884.812.965.742)	1.192.644.316.992

### Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 9 năm 2015, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	Số cuối kỳ VND	%	Số đầu kỳ VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.178.733.330.000	54,47
Các cổ đông khác	1.821.266.670.000	45,53	1.821.266.670.000	45,53
	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100</b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u> <b>Cổ phiếu</b>	<u>Số đầu kỳ</u> <b>Cổ phiếu</b>
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**29. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Đơn vị</u> <u>tính</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b>Ngoại tệ các loại</b>			
Đô la Mỹ	USD	4.009.192	10.247.778
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>	VND	<b>9.716.217.233</b>	<b>9.716.217.233</b>

**30. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu hoạt động xây lắp	567.816.260.340	3.524.420.781.083
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.248.107.302	4.884.495.083
Doanh thu bán hàng	-	3.204.395.557
	<b>575.064.367.642</b>	<b>3.532.509.671.723</b>

**31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn hoạt động xây lắp	550.957.579.650	3.432.599.785.309
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.384.008.528	4.916.884.882
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	3.890.301.408
	<b>559.341.588.178</b>	<b>3.441.406.971.599</b>



**32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ này</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ trước</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	6.157.821.753	6.588.192.370
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.175.000.000	9.776.214.900
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.431.234.098	10.813.867.558
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.990.000	-
	<b>8.766.045.851</b>	<b>27.178.274.828</b>

**33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ này</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ trước</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	2.607.733.902	3.535.213.022
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	25.146.425.528	(10.528.178.398)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	220.022.475	36.061.200.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.939.224.553	16.270.301.231
Chi phí tài chính khác	664.355.233	772.738.623
	<b>41.577.761.691</b>	<b>46.111.274.478</b>

**34. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Kỳ này</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ trước</b> <b>VND</b>
(Hoàn nhập) dự phòng các khoản phải thu	(49.087.623.844)	(163.260.216.677)
Chi phí lương	16.467.536.951	29.523.102.787
Chi phí vật liệu quản lý	343.470.195	473.714.396
Chi phí đồ dùng văn phòng	559.874.529	777.855.169
Chi phí khấu hao	1.799.512.509	1.907.101.237
Thuế, phí, lệ phí	488.526.456	486.129.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.154.914.145	13.145.207.768
Chi phí khác bằng tiền	7.515.997.945	13.884.268.413
	<b>(11.757.791.114)</b>	<b>(103.062.837.203)</b>

**35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	671.298.162.017	1.749.711.700.829
Chi phí nhân công	28.615.355.453	46.402.793.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.923.557.454	5.231.563.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	556.179.301.628	1.160.425.982.072
Chi phí dự phòng	(49.087.623.844)	(163.785.665.873)
Chi phí khác bằng tiền	7.815.997.945	13.884.268.413
	<b>1.218.744.750.653</b>	<b>2.811.870.641.559</b>

**36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
<b>a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>2.110.119.075</b>	<b>177.467.056.465</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.175.000.000)	(9.776.214.900)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.175.000.000)	(9.776.214.900)
Cộng:	3.003.208.605	7.076.162.428
- Thu nhập không chịu thuế kỳ trước chuyển sang	2.913.634.060	5.827.268.119
- Chi phí không được khấu trừ	89.574.545	1.248.894.309
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>3.938.327.680</b>	<b>174.767.003.993</b>
Lỗ mang sang	(3.938.327.680)	(174.767.003.993)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất hiện hành	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>b) (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (i)</b>	<b>(582.726.812)</b>	<b>(1.281.998.985)</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- (i) Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ khi đánh giá lại quyền sử dụng đất tại thời điểm cổ phần hóa các công ty con năm 2010.

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

***Danh sách các bên liên quan chủ yếu:***

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết

***Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>364.541.549.336</b>	<b>3.224.735.318.532</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	328.685.257.466	3.133.321.257.344
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	27.571.455.638	9.199.925.211
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	6.381.977.727	7.572.876
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	570.447.663	622.299.225
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	367.792.039	79.972.207
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	332.775.000	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	305.831.762	2.837.607.592
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	177.632.621	899.606.155
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	112.120.237	279.333.507
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	35.317.736	19.724.699
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	712.931	1.323.548.063
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	228.516	225.948.055
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	-	163.127.836
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	75.755.395.762

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Mua hàng</b>	<b>138.867.275.083</b>	<b>495.622.410.642</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	70.148.326.848	108.505.879.106
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	18.515.211.251	35.490.220.500
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	17.118.946.148	194.903.161.472
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	14.318.221.704	7.407.641.662
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	6.296.004.075	5.097.001.087
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	5.762.958.613	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	2.969.708.861	7.142.282.137
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	2.307.333.940	102.616.419.432
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	1.430.563.643	8.313.599.020
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu Khí Thái Bình	-	17.174.231.443
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	-	7.299.691.685
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	-	1.536.605.007
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	-	135.678.091
<b>Cổ tức được nhận trong kỳ</b>	<b>1.175.000.000</b>	<b>9.776.214.900</b>
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	9.175.359.900
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	-	600.855.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	1.175.000.000	-
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>	<b>2.059.752.464</b>	<b>2.401.371.716</b>

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>418.702.848.169</b>	<b>378.022.350.728</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	93.820.930.864	93.820.679.496
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	85.237.298.921	86.719.910.935
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	80.620.919.706	27.233.107.690
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	53.068.511.852	26.804.068.806
Viện Dầu khí Việt Nam	49.835.403.218	49.835.403.218
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	22.954.922.130	22.954.922.130
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.446.793.928	9.446.793.928
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	7.465.459.814	7.465.459.814
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.079.128.050	6.097.621.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.546.942.139	5.546.942.139
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.000.000.002	2.000.000.002
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.164.741.750	1.433.134.455
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	962.665.716	1.086.216.356
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	207.154.484	1.004.933.419
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	124.300.000	71.500.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	70.349.400	70.349.400
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	97.326.195	2.308.500

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khác</b>	<b>151.015.396.894</b>	<b>176.163.695.602</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	34.965.989.605	43.423.560.320
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	24.266.088.069	23.260.532.513
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	20.507.270.308
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	17.773.510.798	16.873.946.500
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	15.604.792.955	15.704.792.955
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	7.170.266.109	600.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	7.156.545.832	7.823.660.838
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	6.840.056.555
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	6.351.928.277	29.477.803.237
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	5.360.238.712
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.068.154.052	2.008.154.052
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	1.834.728.318	1.946.331.244
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	500.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	561.770.474	788.233.543
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	51.857.616	51.585.369
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	1.518.874	11.034.559
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	680.340	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	486.494.897
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>514.090.543.439</b>	<b>593.170.210.455</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	108.941.703.158
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	75.659.514.616	80.870.842.350
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	61.814.293.786	46.512.305.400
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	88.776.819.553
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	52.885.876.903	58.650.060.129
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	44.379.023.426	17.338.948.678
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	40.083.765.658	37.133.989.664
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.268.366.989	29.334.757.349
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	20.066.415.954	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	13.550.733.991	13.597.949.330
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.263.563.283	11.263.563.283
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	229.674.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	95.918.815.239
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	-	1.900.781.522
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>137.489.722.647</b>	<b>191.999.244.226</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	83.929.164.006	82.778.475.899
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	47.194.989.799	90.762.332.303
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	5.456.975.849	5.456.975.849
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	908.592.993	7.918.751.144
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	-	4.795.814.624
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	-	169.639.222
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	-	117.255.185

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải trả người bán</b>	<b>681.622.526.884</b>	<b>763.278.428.514</b>
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	230.263.408.234	211.433.784.998
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	177.062.581.917
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	109.577.941.378	109.460.995.366
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	58.366.745.771	56.974.777.229
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	33.971.999.565	5.651.621.072
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	20.849.782.133	14.926.735.258
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	18.525.207.373	19.031.307.373
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	9.965.553.087	10.012.853.448
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	8.497.297.577	7.971.493.776
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn	4.848.247.091	7.263.312.671
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	7.490.626.030	935.326.068
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	1.442.180.203	4.223.800.294
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	760.956.525	36.442.441.009
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	94.436.777.545
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	-	187.307.819
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	-	7.263.312.671
<b>Phải trả phải nộp khác</b>	<b>73.579.258.031</b>	<b>59.177.617.470</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	54.098.464.510	54.038.464.510
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	14.312.967.326	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	3.006.898.799	3.006.898.799
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	1.539.119.390	1.540.991.936
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	292.649.450	556.667.784
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	20.283.417	20.283.417
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	12.226.800	12.226.800
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	296.648.339	2.084.224
<b>Các khoản cho vay ngắn hạn</b>	<b>463.124.018.658</b>	<b>463.124.018.658</b>
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	179.912.859.769	179.912.859.769
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	60.587.520.000	60.587.520.000
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	22.623.638.889	22.623.638.889

**38. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

**a) Bảo lãnh cho các khoản vay**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh		Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối kỳ
			cuối kỳ VND	Dư nợ vay cuối kỳ VND	
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
PVC-SG (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
			<b>237.855.091.994</b>	<b>237.855.091.994</b>	<b>137.942.779.491</b>

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng.

Lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 9).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh này trên báo cáo tài chính riêng cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và năm 2015.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

**(\*) Nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn**

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi với các lý do cụ thể như sau:

- Ngày 18 tháng 8 năm 2016, PVC-SG gửi Công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với Oceanbank. Theo đó, ngày 10 tháng 8 năm 2016, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC-SG công văn số 784/2016/CV-CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC-SG. Tại công văn này, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC-SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC-SG bán hàng/bán tài sản để tạo nguồn trả nợ cho Oceanbank, và PVC-SG sẽ trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND) chậm nhất ngày 30 tháng 9 năm 2019. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá điều này đồng nghĩa với việc dư nợ gốc vay đã được cơ cấu lại và gia hạn trả nợ. Điều kiện để thực hiện phương án trả nợ là: (i) PVC-SG cung cấp đầy đủ các văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến phê duyệt phương án tiếp tục triển khai Dự án Vị Thanh để trả nợ cho Oceanbank; (ii) đơn vị thi công và đơn vị bán hàng mở tài khoản thanh toán tại Oceanbank; (iii) toàn bộ doanh thu bán hàng, bán tài sản phải chuyển về tài khoản chuyên dụng mở tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn, PVC-SG đồng ý cho Oceanbank được quyền trích tiền từ tài khoản chuyên dụng để thu nợ; (iv) PVC-SG ký văn bản thỏa thuận về phương thức xử lý tài sản đảm bảo theo yêu cầu của Oceanbank. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, PVC-SG đã trả được 5,5 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc; đồng thời PVC-SG thực hiện rất tốt phương án mà Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Mặt khác, PVC-SG và Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đang hợp tác rất chặt chẽ với nhau để tạo dòng tiền trả nợ cho ngân hàng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là thông tin mới và rất quan trọng, thể hiện sự cố gắng của các bên trong quá trình giải quyết khoản nợ vay này.

- PVC-SG cũng đã có tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là một phần tài sản hình thành trong tương lai tại Dự án Vị Thanh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0068/HĐTC/OCEANBANK03 ngày 30 tháng 8 năm 2012 ký giữa PVC-SG và Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn.

- Tổng Công ty đã nhận được Thư tư vấn số 549 lw.ndv/ntn/01-01 ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Công ty Tư vấn Luật Bizconsult với kết luận như sau: (i) nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty theo thư bảo lãnh và thư gia hạn bảo lãnh cho PVC-SG đã chấm dứt hiệu lực kể từ sau ngày 30 tháng 8 năm 2012; (ii) không có đủ cơ sở pháp lý để yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo văn bản yêu cầu ngày 24 tháng 5 năm 2012 của Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn và đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thư gia hạn bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thông tin này cùng với việc khoản vay của PVC-SG được gia hạn có thể khẳng định rằng Tổng Công ty chưa phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh ở thời điểm hiện tại.

--Việc trích lập một khoản dự phòng phát sinh từ một nghĩa vụ liên đới liên quan đến bảo lãnh vay vốn chưa có chuẩn mực kế toán quy định rõ ràng. Do đó, Tổng Công ty đang: (i) vận dụng nguyên tắc thận trọng trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung để thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản bảo lãnh, theo đó, nguyên tắc thận trọng đòi hỏi "phải lập các khoản dự phòng nhưng không được lập quá lớn" và (ii) thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định "nghiêm cấm doanh nghiệp lợi dụng việc trích lập dự phòng để tính thêm vào chi phí các khoản dự phòng không có đủ căn cứ nhằm làm giảm nghĩa vụ nộp ngân sách". Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đã trích lập khoảng 137,9 tỷ VND/237,8 tỷ VND dư nợ bảo lãnh quá hạn (chiếm 57,98%), theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá mức dự phòng này là hợp lý và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Mặt khác, trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán, khoản dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG vay vốn tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã được Tổng Công ty hoàn nhập 100% giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (với số tiền khoảng 50 tỷ VND) và ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là ý kiến chấp nhận toàn phần được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán số 976/VN1A-HN-BC ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Trên các cơ sở các lý do và nội dung đã trình bày ở trên, Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

#### **b) Bảo lãnh thanh toán**

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP nên nghĩa vụ phải trả của Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh này sẽ chưa phát sinh, vì vậy, Tổng Công ty chưa phải thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề này trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng Công ty.

### **39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

#### **a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.



Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc ("Dự án") với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc "Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc", tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Dự án đã tạm dừng thi công từ năm 2011 và đang được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét phương án xử lý. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định chính thức về phương án xử lý Dự án này. Theo đó báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty và Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN đã ký Phụ lục bổ sung số 26 phê duyệt gói thầu EPC điều chỉnh với giá trị tạm xác định là khoảng 949 triệu USD và 10.710 tỷ VND. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Tổng Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản lãi/lỗ nào tại công trình này, doanh thu tại công trình này được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**b) Kết luận của Thanh tra Chính phủ**

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lắp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên, do đó, chưa có cơ sở để điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ các kết luận này của Thanh tra Chính phủ.

**c) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty**

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 - 2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (sẽ được thành lập trên cơ sở sắp xếp, thu gọn đầu mối tại 04 đơn vị thành viên nòng cốt: Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS).

Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo kế hoạch và thanh lý hết chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020.

  
Vũ Thị Chăm  
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 8 năm 2017

  
Lưu Đức Hoàng  
Kế toán trưởng

  
Bùi Tiến Thành  
Phó Tổng Giám đốc

